

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2026/DS-PT

Ngày : 30/3/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo và ông Trương Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (Cơ sở B) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 260/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2025/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang (nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực – An Giang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 259/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 125/2025/QĐPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 18/TB-TA ngày 09 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 19586; nơi cư trú: Số B, tổ A, ấp T, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số B, tổ A, ấp T, xã H, tỉnh An Giang) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Bùi Quốc N là Luật sư của Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố C; địa chỉ: số D, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số D, khóm M, xã L, tỉnh An Giang) (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1956; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp L, xã L, tỉnh An Giang); nơi ở

hiện tại: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (nay là ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang) (có mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số A, khóm T, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang (nay là số A, khóm T, xã P, tỉnh An Giang) (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Nguyễn Thanh Đ1, sinh năm 1965; nơi cư trú: Số G đường N, Khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số G đường N, Khóm B, phường L, tỉnh An Giang). *(Theo văn bản ủy quyền ngày 11/6/2024) (vắng mặt).*

2.3. Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số C đường T, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số C đường T, khóm B, phường B, tỉnh An Giang) (có mặt)

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thái B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tự khai của bà Nguyễn Thị Thúy P trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Do là chỗ quen biết trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Đ, nên vào khoảng tháng 06/2020 bà P có cho bà Đ, bà T, ông B vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Theo biên nhận ngày 15/6 âm lịch, bà P cho bà Đ, bà T, ông B vay số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), lãi suất 5%/tháng, giao tiền tại nhà của bà P có mặt bà Đ, bà T, ông B trực tiếp nhận tiền nhưng chỉ có bà Đ ký tên, theo Biên nhận ngày 15/6 al không ghi năm nhưng thực tế là ngày 15/6/2020 al.

- Ngày 17/6/2020, bà Đ, bà T, ông B vay thêm số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), lãi suất 5%/tháng, đến ngày 15/7/2020 thì các bên mới làm biên nhận cộng dồn số tiền vay 2 lần là 1.800.000.000 đồng, tại biên nhận này có ông B ký tên cùng với bà Đ.

- Ngày 15/9/2020, vay thêm 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), có làm biên nhận cộng dồn số tiền còn nợ, tổng cộng là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), chỉ có bà Đ ký tên. Theo đó, bà Đ hẹn đến ngày 15/12/2021 sẽ trả đủ số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), lãi suất 5%/tháng.

Từ khi vay cho đến ngày 15/12/2021 bà Đ, bà T, ông B không trả lãi, chỉ trả được vốn 100.000.000 đồng (vào ngày 15/12/2021) do ông B chuyển trả, còn lại 1.900.000.000 đồng và lãi suất chưa trả. Bà có nhắc đòi nhiều lần thì bà Đ, ông B, bà T viết lại biên nhận còn nợ bà P số tiền 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng), tại biên nhận ngày 04/04/2022 có cả 3 người cùng ký tên.

Yêu cầu bà Đ, bà T, ông B phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền 1.900.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 04/04/2022.

Theo bản tự khai ngày 13/01/2023 bị đơn Bà Nguyễn Thị T trình bày: Trước đây vào ngày 04/4/2022 chị ruột bà là bà Nguyễn Thị Kim Đ có ghé thăm bà, có bà Nguyễn Thị Thúy P đi cùng, khi vào nhà bà thì hai người tranh cãi về số tiền giao dịch trước đây, sau đó hai người thỏa thuận viết giấy nợ, bà P yêu cầu bà ký vào giấy vay nợ, nhà bà kinh doanh sợ mất uy tín cơ sở làm ăn nên bà ký cho êm xuôi chứ thực tế bà không biết tiền này là tiền gì, ai vay, ai nhận chỉ có ngày đó bà P la quá mất trật tự bà mới ký.

Theo bản tự khai ngày 21/4/2023 bị đơn ông Nguyễn Thái B trình bày: Ngày 04/4/2022 do bà P yêu cầu bà Đ viết giấy nhận nợ với số tiền là 1.900.000 đồng, trong đó bà P có yêu cầu ông phải ký vào giấy nhận nợ và yêu cầu ông ghi dòng chữ (trong ba người này phải chịu trách nhiệm chung, ngoài số tiền này ra Nguyễn Thị Kim Đ không còn số tiền nào nữa hết). Ông chỉ là người làm chứng còn người nhận tiền trực tiếp là bà Đ. Nay bà P yêu cầu ông cùng trả nợ với bà Đ thì ông không đồng ý. Do điều kiện ở xa nên ông đề nghị vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và xét xử.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu B1 trình bày: Ngày 15/6 âm không nhớ rõ năm bà có mang một tỷ cho bà P vay, sau đó bà P cho bà T và bà Đ đếm tiền, còn ông B là người lái xe cũng có mặt ở đó. Bà ký tên vào biên nhận là để đưa tiền cho bà P vay, còn bà P thì cho bà Đ, bà T vay lại. Bà T, bà Đ là người trực tiếp đếm tiền vay 1.000.000.000 đồng. Bà chỉ cho bà P vay tiền nhưng hiện nay bà P đã trả đủ tiền cho bà, nên bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2025/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang (nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực - An Giang):

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 và các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy P. Buộc bà Nguyễn Thị Kim Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thái B phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thúy P số tiền 2.501.426.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm lẻ một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Trong đó: Tiền vốn là 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng) và tiền lãi là 601.426.000 đồng (Sáu trăm lẻ một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/6/2025 các bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thái B có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tạm ngừng phiên tòa và tạm đình chỉ vụ án để bà Nguyễn Thị Thúy P, ông Nguyễn Thái B cung cấp bảng sao kê tài khoản của ngân hàng đã nhận số tiền 100.000.000 đồng do ông B chuyển trả. Đồng thời, để bà Nguyễn Thị Kim Đ cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc sổ tờ, sổ thửa, diện tích và vị trí tọa lạc của thửa đất mà bà Đ đã thỏa thuận sẽ chuyển nhượng cho bà P. Tuy nhiên, hết thời hạn theo quy định nhưng các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cho Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy P trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin vắng mặt phiên tòa và có ý kiến trình bày: Bà T, ông B thừa nhận chữ ký trong tờ biên nhận nợ ngày 04/4/2022 là của ông, bà và dòng chữ “*Trong ba người này phải chịu trách nhiệm chung.....*” phía dưới các chữ ký là do ông B viết. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Thu B1 là người đã cho bà P vay tiền để bà P cho ông B, bà T, bà Đ vay lại cũng có chứng kiến việc bà P đưa tiền cho bà Đ, bà T, ông B vay. Việc bà T cho rằng bị ép buộc ký tên vào tờ biên nhận nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, bà Đ, ông B với bà T là họ hàng nên không có việc bà P ép buộc được bà T ký tên vào tờ biên nhận nợ. Ngoài ra, ông B cũng thừa nhận có chuyển trả cho bà P số tiền 100.000.000 đồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà thừa nhận có mượn tiền, nhận tiền của bà P và đồng ý trả số tiền 1.900.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên nhưng chỉ có một mình bà mượn tiền chứ không liên quan đến bà T, ông B.

Bị đơn ông Nguyễn Thái B trình bày: Toàn bộ giấy nhận nợ do bà P yêu cầu ký tên và viết, ông không biết việc giao nhận tiền giữa bà P và bà Đ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Ngày viết biên nhận nợ 04/4/2022, do sợ bà P la lớn tiếng, làm ảnh hưởng uy tín nên bà đã ký tên vào biên nhận. Ngoài ra, bà không biết việc giao nhận tiền giữa bà P với bà Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim Đ, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thái B. Giữ nguyên

Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2025/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang (nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực – An Giang).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Kim Đ, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thái B kháng cáo trong hạn luật định; bà T và ông B có nộp tạm ứng án phí đầy đủ, riêng bà Đ có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về số tiền vay: Căn cứ giấy nhận nợ ngày 04/4/2024 và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy P cũng như lời khai của bà Nguyễn Thị Kim Đ tại phiên tòa phúc thẩm; số tiền phía bị đơn còn nợ nguyên đơn là 1.900.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện mà các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2.2] Về tiền lãi:

[2.2.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chưa trả 1.900.000.000 đồng từ ngày 04/4/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Do trong giấy nhận nợ, hai bên không ghi rõ xác định mức lãi suất, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng Dân sự, lãi suất được xem xét chấp nhận là 10%/năm, được tính như sau:

Tiền lãi tính từ ngày 04/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/6/2025 là 38 tháng x 0.833%/tháng (10%/năm) x 1.900.000.000 đồng = 601.426.000 đồng.

Như vậy, cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho bà P tổng số tiền vốn và lãi là 2.501.426.000 đồng (Trong đó: Tiền vốn: 1.900.000.000 đồng; Tiền lãi: 601.426.000 đồng) là có căn cứ, đúng quy định.

[2.2.2] Do hợp đồng vay có thỏa thuận về việc trả lãi nên căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời điểm để tính khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Tuy nhiên, do các đương sự không kháng cáo đối với phần này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ:

Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy nhận nợ ngày 04/4/2022 bà Nguyễn Thị Kim Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thái B đều thừa nhận có ký tên trên tờ biên nhận. Tuy nhiên, ông B, bà T cho rằng ông, bà bị ép buộc ký tên và cũng không biết việc vay nhận tiền giữa bà P với bà Đ; nhưng ông, bà không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình; do đó không có căn cứ để xem xét. Mặt khác, dòng chữ “*Trong ba người này phải chịu trách nhiệm chung...*” phía dưới các chữ ký là do chính ông B viết và ông B cũng thừa nhận đã viết dòng chữ này; đồng thời cũng chính ông là người trực tiếp chuyển trả cho bà P số tiền 100.000.000 đồng. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/11/2025, bà Đ cũng thừa nhận trong biên nhận nợ ngày 04/4/2022, bà có ghi câu “.... *chúng tôi đồng ký tên....*” là gồm 03 người Tuyết, Đ, B cùng thừa nhận nợ. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông B, bà T có trách nhiệm liên đới cùng với bà Đ thanh toán cho bà P số tiền 2.501.426.000 đồng là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Thị Kim Đ, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thái B kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở xem xét chấp nhận; do vậy, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chi phí giám định theo yêu cầu của bị đơn bà T phải tự chịu, phần tạm ứng và quyết toán đã được thực hiện xong.

[5] Về án phí

[5.1] Dân sự sơ thẩm: Bà P, bà Đ là người cao tuổi, có đơn xin; do đó, thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định. Riêng ông B, bà T bị buộc phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà P nên chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5.2] Dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T, ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Riêng bà Đ là người cao tuổi, có đơn xin nên thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thái B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2025/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực – An Giang).

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật

Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy P.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Đ, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thái B phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thúy P số tiền 2.501.426.000 đồng (Hai tỷ năm trăm lẻ một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Trong đó: Tiền vốn là 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng) và tiền lãi là 601.426.000 đồng (Sáu trăm lẻ một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thái B phải có trách nhiệm liên đới chịu 54.685.680 đồng (Năm mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn sáu trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thái B – mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0016726 và số 0016727 ngày 16/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Phòng Thi hành án DS khu vực-An Giang;
- Tòa án nhân dân khu vực-An Giang;
- Phòng KTNV & THA;
- Đường sự “Để thi hành”;
- Văn phòng; Tòa Dân sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng